

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/KDTM-ST
Ngày 12 - 9 - 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Nguyễn Thị Mây

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 52/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 681/2023/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 879/2023/QĐXXST- KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH X;

Địa chỉ: F N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đàm Thị Vân A năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: F N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T;

Địa chỉ: C T, phường T, Quận A, Tp Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huyền V năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: A Lô C, chung cư K, đường Q, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2023 cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH X trình bày:

Ngày 21/06/2022, Công ty TNHH X (viết tắt Công ty X1) hợp đồng mua bán số: 199/2022/HĐKT/VG với Công ty TNHH T (viết tắt Công ty T) về việc mua bán máy phát điện Cummins (200KVA), tổng trị giá hợp đồng: 390.960.000 đồng. Thời gian giao hàng và lắp đặt máy trong vòng 40 ngày kể từ ngày Công ty X chuyển tiền thanh toán đợt 1 cho Công ty V1

Về điều khoản thanh toán tại Điều 3 của hợp đồng, như sau:

+ Đợt 1: Thanh toán 40% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền 156.384.000 đồng trong vòng 03 ngày kể từ ký hợp đồng.

Công ty X2 chuyển thanh toán đợt 1 vào ngày 24/06/2022.

Như vậy, thời điểm giao hàng và lắp đặt máy là ngày 03/8/2022.

+ Đợt 2: Thanh toán 40% giá trị hợp đồng tiếp theo, tương ứng số tiền 156.384.000 đồng trong vòng 03 ngày khi máy về đến kho của Công ty T1 chờ tải đặt yêu cầu. Công ty T có trách nhiệm gửi thông báo giao hàng cho Công ty X trước 03 ngày trước khi Công ty X3 cho Công ty V1

+ Đợt 3: Thanh toán 20% giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày, tương ứng số tiền 78.192.000 đồng sau khi giao máy nghiệm thu và thử tải máy và giao đủ bộ hồ sơ thanh toán.

Tuy nhiên, kể từ khi nhận xong tiền thanh toán đợt 1 thì Công ty V2 hiện đúng hợp đồng. Qua rất nhiều lần trao đổi thì Công ty T2 kết ngày giao hàng là ngày 02/02/2023 nhưng vẫn không có hàng. Mãi đến khi ông Q đốc Công ty T cam kết đến ngày 31/3/2023 sẽ có hàng nhưng vẫn không giao được hàng thì Công ty X4 chấp nhận việc hứa hẹn chờ được nữa và cũng không liên lạc được với ông Q

Ngày 11/5/2023 Công ty X2 gửi văn bản số 0104/NB-TB cho Công ty T3 áp dụng Điều 4 về Phạt hợp đồng đối với Công ty T: Chấm dứt hợp đồng mua bán số:

199/2022/HĐKT/VG; Trả lại số tiền đã thanh toán đợt 1 là 156.384.000 đồng; Bồi thường số tiền 156.384.000 đồng; Tính lãi phát sinh trên số tiền 156.384.000 đồng theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường từ ngày 03/8/2022 đến ngày 11/5/2023. Tuy nhiên Công ty T4 không có phản hồi và không có thiện chí giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty X rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty T phải trả lãi phát sinh trên số tiền 156.384.000 đồng theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường từ ngày 03/8/2022 đến khi trả hết số tiền nêu trên.

Ngoài ra, cũng tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty X5 cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng hình thức phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng của Công ty V3 nhiên, do còn thiếu nhiều thông tin về Công ty V3 phải được xác minh và cung cấp cho Hội đồng xét xử, Công ty X thực hiện biện pháp bảo đảm đối với yêu cầu phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng và nguyện vọng của Công ty X6 được xét xử sơ thẩm vụ án mà không phải tạm dừng phiên tòa nên Công ty X rút đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Chấm dứt hợp đồng mua bán số: 199/2022/HĐKT/VG lập ngày 21/06/2022. Công ty V4 trả cho Công ty X7 tiền đã thanh toán theo hợp đồng với số tiền là: 156.384.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

Công ty T5 trả cho Công ty X8 tiền bồi thường 40% giá trị hợp đồng do vi phạm hợp đồng được quy định tại Điều 4 trong hợp đồng với số tiền là: 156.384.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty T đại diện pháp luật là ông Võ Văn Q2, trình bày qua bản tự khai ngày 26/7/2023, biên bản hòa giải ngày 26/7/2023, tóm tắt như sau:

Sau khi ký hợp đồng mua bán số: 199/2022/HĐKT/VG lập ngày 21/06/2022 thì Công ty T6 tiến hành đặt mua hàng từ nguồn cung cấp nước ngoài. Do nguồn cung cấp trễ hạn nên Công ty T7 nhận chậm trễ không thể thực hiện đúng hợp đồng với Công ty X, cho đến nay cũng không giao được hàng cho Công ty X9 Mặt

khác, Công ty T8 khẩn về tài chính nên chưa thể thực hiện việc hoàn trả số tiền mà Công ty X2 tạm ứng đợt 1.

Công ty T9 nguyện vọng được giải quyết như sau: Công ty T10 hoàn trả cho Công ty X7 tiền đã thanh toán theo hợp đồng nêu trên với số tiền là: 156.384.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng*). Cách thức trả dần số tiền cho đến khi thanh toán hết. Thời gian thực hiện: 17/8/2023 trả 50 triệu; 17/9/2023 trả 50 triệu; 17/10/2023 trả hết số tiền còn lại.

Còn lại các yêu cầu khác về bồi thường hợp đồng, tính lãi phát sinh thì Công ty T11 có khả năng tài chính để thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Quan hệ tranh chấp là Hợp đồng mua bán hàng hóa là loại tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận mà bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận A, T vậy, căn cứ Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã có Phiếu chuyển trả số 07/PC-VKS-LĐ ngày 15/8/2023, nội dung: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự và Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 nên chuyển trả hồ sơ để Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết theo thẩm quyền.

Nhận định trong nội dung của Phiếu chuyển trả số 07/PC-VKS-LĐ là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bị đơn và người đại diện pháp luật, đại diện theo ủy quyền được tổng đạt hợp lệ, tại địa chỉ trụ sở đăng ký hoạt động và địa chỉ nơi ở, các văn bản tố tụng gồm: Quyết định đưa vụ án ra xét xử (đại diện theo ủy quyền có đơn xin hoãn phiên tòa), Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt, không tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Do đó, việc bị đơn không tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm tức tự khước từ quyền được trình bày những lý lẽ, khước từ quyền được tiếp cận công khai chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không thực hiện nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ (nếu có) để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục luật định.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về hình thức: Hợp đồng mua bán số: 199/2022/HĐKT/VG lập ngày 21/06/2022 phù hợp về hình thức được quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

[4.2] Về nội dung:

Hợp đồng mua bán số: 199/2022/HĐKT/VG lập ngày 21/06/2022 đã được ký kết với các thỏa thuận phù hợp khoản 8, Điều 3, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 44, Điều 54, Điều 55, Điều 292 Luật Thương mại năm 2005 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể tham gia hợp đồng.

[4.3] Căn cứ vào nội dung Điều 4 của Hợp đồng: *Trong trường hợp Công ty Tchậm trễ quá 04 (bốn) ngày (giao hàng chậm hoặc lắp đặt chậm, hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu chậm tại Điều 2 hợp đồng) thì Công ty Xcó quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, Công ty T5 trả lại ngay số tiền Công ty Xthanh toán và bồi thường 40% giá trị hợp đồng cho Công ty X9*

Nội dung trình bày của bị đơn qua bản tự khai và biên bản hòa giải cho thấy: Lỗi vi phạm hợp đồng là của Công ty Tvà các bên thỏa thuận rõ ràng chế tài bồi thường trong hợp đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X:

Chấm dứt hợp đồng mua bán số: 199/2022/HĐKT/VG lập ngày 21/06/2022. Công ty V4 trả cho Công ty X7 tiền đã thanh toán theo hợp đồng với số tiền là: 156.384.000 đồng và bồi thường khoản tiền 156.384.000 đồng.

[5] Xét việc Công ty X rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa: Buộc Công ty T phải phải trả lãi phát sinh trên số tiền 156.384.000 đồng theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường từ ngày 03/8/2022 đến khi trả hết số tiền nêu trên.

Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do nguyên đơn tự nguyện rút đơn yêu cầu trước khi phiên tòa chuyển sang phần tranh tụng.

[6] Về án phí:

Công ty T5 chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 15.638.400 đồng do phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 312.768.000 đồng (cách tính 312.768.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 44, Điều 54, Điều 55, Điều 292, Điều 305 Luật thương mại 2005;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X;

Chấm dứt hợp đồng mua bán số: 199/2022/HĐKT/VG giữa Công ty TNHH X với Công ty TNHH V1

Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán số tiền là: 156.384.000 đồng và bồi thường số tiền là: 156.384.000 đồng cho Công ty TNHH X, tổng cộng 312.768.000 (ba trăm mười hai triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn) đồng sau khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán thì phải trả thêm trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Địa điểm thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ giải quyết đối với việc Công ty TNHH X yêu cầu Công ty TNHH T phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh được quy định tại Điều 4 trong hợp đồng, kể từ ngày 03/8/2022 đến khi trả hết số tiền nêu trên theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải chịu số tiền án phí là: 15.638.400 (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty TNHH X không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền án phí tạm nộp là: 8.167.449 (tám triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền số 0030132 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục tổng đạt hoặc thủ tục niêm yết luật định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Kiều

